

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/DS-ST
Ngày: 12/3/2025
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán
tài sản (phân bón)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đoạt;

Bà Nguyễn Thị Hồng Ánh;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Ông Lương Thành Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 310/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng hợp đồng dân sự về mua bán tài sản (phân bón) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị T, sinh năm: 1973. Địa chỉ: Tổ C ấp H, xã N, huyện H, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Bị đơn:*

Ông Phạm Văn B, sinh năm: 1969. Địa chỉ: Tổ B ấp S, xã N, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Bà Đặng Thị H, sinh năm: 1969. Địa chỉ: Tổ B ấp S, xã N, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Thị T trình bày:

Trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến năm 2014, ông B và bà T có mua phân bón của bà T nhiều lần và còn nợ lại số tiền 217.000.000 đồng. Tại thời điểm ông B và bà H ly hôn với nhau, bà có khởi kiện yêu cầu độc lập, theo đó ông B và bà H thừa nhận còn nợ bà số tiền 217.000.000 đồng, đồng thời thỏa thuận với nhau là ông B có nghĩa vụ trả cho bà 157.000.000 đồng, còn bà H trả cho bà 60.000.000 đồng. Nhận thấy, do họ hàng với nhau, nên bà đã rút yêu cầu độc lập để ông B, bà H trả nợ cho bà. Tuy nhiên, từ năm 2022 cho đến nay, ông B và bà H không trả cho bà lần nào.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông B phải trả cho bà số tiền tổng cộng là 188.400.000 đồng (trong đó gốc là 157.000.000 đồng và lãi tính từ tháng 9/2022 đến tháng 8/2024 với mức lãi suất là 10%/năm là 31.400.000 đồng).

Yêu cầu bà H trả cho bà số tiền là 72.000.000 đồng (trong đó gốc là 60.000.000 đồng và lãi tính từ tháng 9/2022 đến tháng 8/2024 với mức lãi suất là 10%/năm là 12.000.000 đồng). Việc bà H trả cho bà 20.000.000 đồng là không có, bà không nhận được số tiền này.

Đồng thời yêu cầu tiếp tục chịu lãi đến khi nào ông B, bà H trả hết nợ cho bà.

Bị đơn ông Phạm Văn B trình bày:

Ông thừa nhận lời trình bày của bà T là đúng, ông thống nhất còn nợ bà T tiền phân bón là 157.000.000 đồng. Tuy nhiên từ khi giải quyết vụ án ly hôn cho đến nay, Tòa án không có giao văn bản gì cho ông về việc ông trả nợ cho bà T, do đó ông chưa trả cho bà T khoản tiền nào. Nay bà T yêu cầu ông trả số tiền tổng cộng là 188.400.000 đồng, trong đó gốc là 157.000.000 đồng và lãi tính từ tháng 9/2022 đến tháng 8/2024 với mức lãi suất là 10%/năm là 31.400.000 đồng, thì ông xin được trả tiền gốc, còn tiền lãi ông xin bà T miễn cho ông, vì ông không có điều kiện trả. Số tiền gốc ông xin được trả dần làm năm lần. Cụ thể: Ngày 15/4/2025, ngày 15/9/2025, 15/4/2026, 15/9/2026 mỗi vụ lúa ông trả 32.000.000 đồng, còn lại 29.000.000 đồng ông trả cho bà T vào ngày 15/4/2027.

Bị đơn bà Đặng Thị H trình bày:

Bà thừa nhận lời trình bày của bà T, bà thống nhất còn nợ bà T tiền phân bón là 60.000.000 đồng, sau đó bà có trả được 20.000.000 đồng, nhưng không có biên nhận. Nay bà T yêu cầu trả số tiền tổng cộng là 72.000.000 đồng, trong đó gốc là 60.000.000 đồng và lãi tính từ tháng 9/2022 đến tháng 8/2024 với mức lãi suất là 10%/năm là 12.000.000 đồng, thì bà xin được trả tiền gốc, còn tiền lãi tôi xin bà T miễn cho bà, vì bà không có điều kiện trả. Số tiền gốc 40.000.000 đồng, bà xin

được trả dần làm bốn lần. Cụ thể: Ngày 15/4/2025, ngày 15/9/2025, 15/4/2026, 15/9/2026 mỗi vụ lúa, bà trả cho bà T 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Bùi Thị T yêu cầu HĐXX:

Buộc ông B phải trả cho bà số tiền nợ gốc 157.000.000 đồng, tiền lãi tính từ 22/9/2022 đến ngày xét xử (12/3/2025) là 29 tháng 20 ngày, với mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) với số tiền 38.658.633 đồng (làm tròn 38.659.000 đồng), tổng cộng là 195.659.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 13/3/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ cho bà.

Buộc bà H phải trả cho bà số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng, tiền lãi tính từ 22/9/2022 đến ngày xét xử (12/3/2025) là 29 tháng 20 ngày, với mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) với số tiền 14.774.000 đồng, tổng cộng là 74.774.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 13/3/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ cho bà.

Bị đơn ông Phạm Văn B trình bày: Ông thừa nhận còn nợ bà T số tiền gốc mua phân bón là 157.000.000 đồng. Đối với yêu cầu của bà T yêu cầu ông phải trả số tiền gốc 157.000.000 đồng, tiền lãi 38.659.000 đồng, tổng cộng là 195.659.000 đồng. Ông xin bà T miễn cho ông phần tiền lãi. Số tiền gốc 157.000.000 đồng, ông xin được trả dần làm bốn lần, trong hai năm.

Bị đơn bà Đặng Thị H trình bày: Bà thừa nhận còn nợ bà T số tiền gốc mua phân bón là 60.000.000 đồng, nhưng đã trả được cho bà T 20.000.000 đồng, nhưng không có làm biên nhận. Tại phiên tòa, bà T không thừa nhận việc bà trả đã 20.000.000 đồng, nên bà rút lại lời trình bày này. Đối với yêu cầu của bà T yêu cầu bà phải trả số tiền gốc 60.000.000 đồng, tiền lãi 14.774.000 đồng, tổng cộng là 74.774.000 đồng. Bà xin bà T miễn cho bà phần tiền lãi. Số tiền gốc 60.000.000 đồng, bà xin được trả dần trong hai năm.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ đủ cơ sở để đưa vụ án ra xem xét giải quyết.

Về hướng đề nghị giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông B phải trả cho bà số tiền nợ gốc 157.000.000 đồng, tiền lãi tính từ 22/9/2022 đến ngày xét xử (12/3/2025) là 29 tháng 20 ngày, với mức lãi suất

10%/năm (0,83%/tháng) với số tiền 38.659.000 đồng, tổng cộng là 195.659.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 13/3/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ cho bà.

Buộc bà H phải trả cho bà số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng, tiền lãi tính từ 22/9/2022 đến ngày xét xử (12/3/2025) là 29 tháng 20 ngày, với mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) với số tiền 14.774.000, tổng cộng là 74.774.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 13/3/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ cho bà

V án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Phạm Văn B, bà Đặng Thị H phải có nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn bà Bùi Thị T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà HĐXX nhận định vụ án này như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện, bà Bùi Thị T yêu cầu ông Phạm Văn B, bà Đặng Thị H có nghĩa vụ phải số tiền mua phân bón còn thiếu. Xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản (phân bón). Bị đơn ông Phạm Văn B, bà Đặng Thị H có nơi cư trú tại ấp S, xã N, huyện H, tỉnh Kiên Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] Bà Bùi Thị T yêu cầu ông Phạm Văn B phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền gốc mua phân bón còn thiếu là 157.000.000 đồng.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/01/2025 (BL 19); Biên bản hoà giải ngày 20/02/2025 (BL 26) và tại phiên tòa, ông B đều thừa nhận còn nợ bà T số tiền mua phân bón là 157.000.000 đồng. Đây là các tình tiết được các bên đương sự thừa nhận, nên không cần phải chứng minh và được xem là chứng cứ để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, HĐXX có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2] Bà Bùi Thị T yêu cầu bà Đặng Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền gốc mua phân bón còn thiếu là 60.000.000 đồng.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 10/02/2025 (BL 20); Biên bản hoà giải ngày 20/02/2025 (BL 26) và tại phiên tòa, bà H thừa nhận có nợ bà T 60.000.000 đồng tiền mua phân bón, nhưng đã trả cho bà T được 20.000.000 đồng, nhưng không có làm biên nhận. Việc bà H cho rằng đã trả cho bà T 20.000.000 đồng, không được bà T thừa nhận. Do vậy, bà H xin rút lại trình bày của mình đã trả cho bà T 20.000.000 đồng. Do đó, HĐXX có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà H phải trả số tiền gốc mua phân bón còn thiếu là 60.000.000 đồng

[2.3] Bà Bùi Thị T yêu cầu ông Phạm Văn B, bà Đặng Thị H phải trả tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền theo quy định của pháp luật kể từ ngày 22/9/2022 cho đến khi xét xử sơ thẩm 12/3/2025 và tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc theo mức lãi suất chậm trả theo quy định từ ngày 13/3/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ cho bà T.

Xét yêu cầu này của T thấy rằng: Tại biên bản hòa giải ngày 21/9/2022 (BL 04-05), bà T đã tạo điều kiện, thỏa thuận và được cho ông B, bà H thống nhất trả, nên bà T nghĩ tình nghĩa họ hàng, đã rút yêu cầu độc lập để cho ông B, bà H khỏi phải chịu án phí theo quy định, tuy nhiên từ đó cho đến nay ông B, bà H không có lần nào trả tiền cho bà T, nên ông B, bà H phải có nghĩa vụ trả tiền lãi cho bà T theo mức lãi suất chậm trả 10%/năm tính từ ngày 22/9/2022 là phù hợp với khoản 3 Điều 440 và Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.4] Đối với yêu cầu của ông B, bà H về việc xin bà T cho ông bà khoản tiền lãi vì hiện nay hoàn cảnh khó khăn, không có điều kiện trả và xin trả dần. Tuy nhiên, việc này không được bà T đồng ý và yêu cầu ông B, bà H phải có nghĩa vụ trả số nợ theo quy định. Theo quy định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp - Bộ T1 hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: Tòa án không ấn định trong Bản án, Quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án, nên HĐXX không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của ông B, bà H. Tuy nhiên, nếu ông B, bà H thật sự có khó khăn về kinh tế thì có thể làm đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Do đó, trong quá trình nghị án và thảo luận, HĐXX có cơ sở chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn. Buộc ông Phạm Văn B, bà Đặng Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị T số tiền gốc và lãi mua phân bón cho đến khi xét xử sơ thẩm 12/3/2025 và tiền lãi phát

sinh trên số tiền gốc theo mức lãi suất chậm trả theo quy định từ ngày 13/3/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ cho bà T.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc ông Phạm Văn B phải có nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm 5% trên số tiền nợ 195.659.000 đồng buộc phải trả cho bà T là 9.782.950 đồng (làm tròn 9.783.000 đồng).

Buộc bà Đặng Thị H phải có nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm 5% trên số tiền nợ 74.774.000 đồng buộc phải trả cho bà T là 3.738.700 đồng (làm tròn 3.739.000 đồng).

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn bà Bùi Thị T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 357, Điều 430, khoản 1 và khoản 3 Điều 440, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Bùi Thị T.

Buộc ông Phạm Văn B có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị T số tiền gốc và lãi mua phân bón cho đến khi xét xử sơ thẩm 12/3/2025 là 195.659.000đ (*Một trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn đồng*). Trong đó, tiền gốc: 157.000.000 đồng, tiền lãi: 38.659.000 đồng.

Buộc bà Đặng Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị T số tiền gốc và lãi mua phân bón cho đến khi xét xử sơ thẩm 12/3/2025 là 74.774.000đ (*Bảy mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn đồng*). Trong đó, tiền gốc: 60.000.000 đồng, tiền lãi: 14.774.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp

luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Phạm Văn B phải có nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm với số tiền 9.783.000đ (*Chín triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn đồng*).

Buộc bà Đặng Thị H phải có nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm với số tiền 3.739.000đ (*Ba triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn đồng*).

Hoàn trả cho bà Bùi Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.800.000đ (*Một triệu tám trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009502 ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo theo hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/3/2025); Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thì được quyền kháng cáo Bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- THADS huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lâm Nguyễn Thanh H1